
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ 3 NĂM 2019

Tháng 10 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			30/09/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.445.071.293.379	1.410.002.553.804
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	16.756.799.047	28.000.366.689
1. Tiền	111		16.756.799.047	28.000.366.689
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		856.073.047.764	899.882.523.438
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	113.343.663.065	108.090.288.954
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	103.928.789.329	67.903.275.043
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	385.887.219.160	601.712.999.030
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	256.139.756.309	125.096.288.005
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(3.226.380.099)	(2.920.327.594)
III. Hàng tồn kho	140	11	563.504.403.142	479.834.382.251
1. Hàng tồn kho	141		563.504.403.142	479.834.382.251
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.737.043.426	2.285.281.426
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	1.004.554.167	175.183.013
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.732.489.259	2.110.098.413

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số		Đơn vị: VND	
			30/09/2019	01/01/2019
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		300.488.464.994	301.079.198.312
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.707.652.141	22.782.852.141
1. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	22.707.652.141	22.782.852.141
II. Tài sản cố định	220		25.370.349.295	29.342.699.224
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	11.321.908.465	10.610.514.675
- Nguyên giá	222		31.398.670.931	29.834.243.360
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.076.762.466)	(19.223.728.685)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	13.956.872.804	18.607.616.523
- Nguyên giá	225		21.153.466.347	25.421.636.347
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(7.196.593.543)	(6.814.019.824)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	91.568.026	124.568.026
- Nguyên giá	228		280.000.000	280.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(188.431.974)	(155.431.974)
III. Bất động sản đầu tư	230	16	4.997.156.733	4.997.156.733
- Nguyên giá	231		5.836.987.368	5.836.987.368
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(839.830.635)	(839.830.635)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	17	244.027.420.000	232.610.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		115.000.000.000	112.610.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.000.000.000)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		139.027.420.000	120.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.385.886.825	11.346.490.214
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	3.385.886.825	11.346.490.214
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.745.559.758.373	1.711.081.752.116

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.307.995.181.638	1.280.258.852.312
I. Nợ ngắn hạn	310		1.053.031.258.363	1.022.029.377.135
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	107.868.394.185	136.481.913.049
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	308.268.630.024	209.378.874.455
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	12.623.898.998	11.777.855.429
4. Phải trả người lao động	314		870.582.493	1.002.397.465
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	2.496.216.490	1.903.882.838
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	27.646.650.612	39.084.726.311
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23.a	593.256.885.561	622.399.727.588
II. Nợ dài hạn	330		254.963.923.275	258.229.475.177
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23.b	254.963.923.275	258.229.475.177
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		437.564.576.735	430.822.899.804
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	437.564.576.735	430.822.899.804
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		415.000.000.000	415.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.000.000.000	415.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		400.000.000	400.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(39.818.367.279)	(39.818.367.279)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.667.692.056	7.458.450.896
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		54.315.251.958	47.782.816.187
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		46.962.485.635	40.610.038.638
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		7.352.766.323	7.172.777.549
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.745.559.758.373	1.711.081.752.116

Nguyễn Thị Bích Thảo
Người lập biểu
Ngày 26 tháng 10 năm 2019

Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng



Phùng Văn Hiến
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ 01/01 đến 30/09	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	54.196.147.027	114.295.403.554	309.540.315.761	469.656.096.234
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		27.305.124.815	-	27.305.124.815	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	25	26.891.022.212	114.295.403.554	282.235.190.946	469.656.096.234
4. Giá vốn hàng bán	11	26	28.127.285.968	102.426.011.924	268.810.371.102	433.077.622.442
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(1.236.263.756)	11.869.391.630	13.424.819.844	36.578.473.792
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	42.413.691.499	17.270.958.318	84.416.395.213	46.477.993.836
7. Chi phí tài chính	22	28	21.900.353.300	22.245.867.732	69.216.127.671	46.384.194.442
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.395.775.931	22.245.067.732	57.211.467.671	46.382.453.520
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	2.522.668.514	4.612.300.277	9.204.383.466	14.334.564.791
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		16.754.405.929	2.282.181.939	19.420.703.920	22.337.708.395
11. Thu nhập khác	31	30	254.545.455	-	1.031.022.625	161.902.215
12. Chi phí khác	32	31	441.561.270	379.973.904	3.689.742.112	563.603.450
13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(187.015.815)	(379.973.904)	(2.658.719.487)	(401.701.235)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		16.567.390.114	1.902.208.035	16.761.984.433	21.936.007.160
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	5.659.665.232	401.047.856	9.409.218.110	5.187.695.533
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		10.907.724.882	1.501.160.179	7.352.766.323	16.748.311.627

Nguyễn Thị Bích Thảo
Người lập biểu
Ngày 26 tháng 10 năm 2019

Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng

Phùng Văn Hiền
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn hoạt động từ 01 tháng 01 đến 30 tháng 09 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	16.761.984.433	21.936.007.160
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2	3.996.213.929	4.863.098.365
Các khoản dự phòng	3	10.306.052.505	(212.143.016)
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(85.325.486.168)	(46.291.303.602)
Chi phí lãi vay	6	57.211.467.671	46.382.453.520
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	2.950.232.370	26.678.112.427
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	9	(188.117.785.179)	177.255.124.853
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(83.670.020.891)	21.114.489.063
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	69.229.431.341	(18.916.084.778)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	7.131.232.235	4.640.475.568
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	161.001
Tiền lãi vay đã trả	14	(55.876.275.691)	(39.472.758.699)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.619.663.631)	(6.609.652.501)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	14.500.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(452.000.000)	(2.642.807.031)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(259.424.849.445)	162.061.559.903
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(134.773.045)	(637.454.320)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.149.999.999	150.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(379.570.617.346)	(998.056.229.686)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	582.638.796.703	613.953.315.377
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(65.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	90.502.710.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	60.083.559.421	62.550.922.111
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	289.669.675.732	(322.039.446.518)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn hoạt động từ 01 tháng 01 đến 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
		đến 30/09/2019	đến 30/09/2018
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	(39.818.367.279)
2. Tiền thu từ đi vay	33	484.431.457.566	1.001.466.901.985
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(522.567.964.189)	(777.355.046.170)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(3.351.887.306)	(6.903.179.890)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(40.630.266.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(41.488.393.929)	136.760.042.596
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(11.243.567.642)	(23.217.844.019)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	28.000.366.689	95.472.356.908
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	16.756.799.047	72.254.512.889

Nguyễn Thị Bích Thảo
Người lập biểu
Ngày 26 tháng 10 năm 2019

Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng



Phùng Văn Hiến
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 09 năm 2019 là 415 tỷ VND, được chia thành 41,5 triệu cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty CII”)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công nghệ công trình giao thông theo hình thức hợp đồng B.O.T; xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; công trình công ích; cho thuê máy móc, thiết bị; khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; sản xuất bê tông và các thành phẩm từ xi măng, thạch cao; tư vấn kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; sản xuất vật liệu xây dựng, gia công dầm cầu thép, cầu kiện thép, sản phẩm cơ khí khác; sửa chữa máy móc, thiết bị thi công; phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là thi công xây lắp, mua bán vật tư xây dựng, cho thuê máy móc thiết bị.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ kế toán

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐQT về việc tăng thêm vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi lên 75.000.000.000 đồng.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ 7.800.000 cổ phần mà Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia với tổng giá trị là 80.640.000.000 đồng. Đến ngày 16 tháng 9 năm 2019, công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng và Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia chính thức không còn là công ty con của Công ty.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ 100% phần vốn điều lệ mà Công ty nắm giữ tại Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C với tổng giá trị chuyển nhượng là 9.862.710.000 đồng. Đến ngày 25 tháng 9 năm 2019, công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng và Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C chính thức không còn là công ty con của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019, Công ty đang đầu tư vào các công ty con sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi ("NQN")	Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá
2. Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C ("CII E&C - BM")	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuê tài sản (tiếp theo)

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Số năm

Máy móc và thiết bị

8

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của phần mềm máy tính, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tồn thất do giảm giá trị.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay đề lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, ... và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Giá vốn từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo tỷ lệ giữa phần khối lượng công việc đã được nghiệm thu so với tổng khối lượng công việc đã thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	514.683.465	3.879.673.322
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.242.115.582	24.120.693.367
Cộng	16.756.799.047	28.000.366.689

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu là các bên liên quan (i)	22.968.680.322	16.049.326.904
Phải thu các khách hàng khác	90.374.982.743	92.040.962.050
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592</i>	41.344.972.858	27.622.300.871
<i>Ban Quản lý Dự án đường Hồ Chí Minh</i>	14.683.373.802	14.683.373.802
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 515</i>	-	14.020.202.526
<i>Công ty Cổ Phần Big Gate</i>	5.033.168.799	13.033.168.799
<i>Công ty TNHH Xây dựng Nền móng Tam Đạt</i>	16.395.976.141	1.967.686.141
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	12.917.491.143	20.714.229.911
Cộng	113.343.663.065	108.090.288.954
<i>(i) Chi tiết phải thu các bên liên quan:</i>		
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	14.603.928.223	-
Công ty NQN	4.243.620.000	4.081.960.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	3.645.435.909	1.776.435.012
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	475.696.190	475.696.190
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	-	8.969.803.175
Công ty CII E&C - BM	-	734.100.000
Công ty CII	-	11.332.527
Cộng	22.968.680.322	16.049.326.904

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Trả trước các bên liên quan (i)	-	35.550.000
Trả trước các nhà cung cấp khác	103.928.789.329	67.867.725.043
<i>Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân Dụng CII E&C</i>	77.130.234.480	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 515</i>	5.890.878.527	10.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần Teracons</i>	5.489.073.744	4.370.312.092
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây Dựng</i>	2.751.162.142	2.406.891.944
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592</i>	-	15.512.457.945
<i>Công ty TNHH MTV Xây dựng Dịch vụ Vận tải Hà Thành</i>	-	14.814.172.105
<i>Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Thế Toàn</i>	-	10.000.000.000
<i>Trả trước các đối tượng khác</i>	12.667.440.436	10.763.890.957
Cộng	103.928.789.329	67.903.275.043
 <i>(i) Chi tiết trả trước cho các bên liên quan:</i>		
Công ty CII B&R	-	35.550.000

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan (i)	256.142.982.546	385.512.447.840
Phải thu các đối tượng khác	129.744.236.614	216.200.551.190
<i>Công ty Cổ phần Teracons</i>	5.576.849.018	53.853.894.432
<i>Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành Đăng Việt Hà</i>	70.960.711.596	84.695.552.109
<i>Đăng Việt Hà</i>	13.889.428.986	12.239.428.986
<i>Phải thu các đối tượng khác</i>	39.317.247.014	65.411.675.663
Cộng	385.887.219.160	601.712.999.030
 <i>(i) Chi tiết phải thu về cho vay là các bên liên quan:</i>		
Công ty CII	212.654.172.319	249.786.185.185
Công ty CII E&C - BM	43.488.810.227	106.814.000.000
Công ty NQN	-	28.912.262.655
Cộng	256.142.982.546	385.512.447.840

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng vốn cho các đội thi công các công trình xây dựng	216.786.973.928	72.622.146.262
Các khoản chi hộ	8.563.322.413	10.301.200.718
Phải thu về lãi trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay	17.658.000.575	25.510.484.788
Cổ tức, lợi nhuận phải thu	8.100.546.324	10.077.755.806
Phải thu người lao động	1.071.492.492	947.700.764
Ký cược, ký quỹ	2.123.811.679	2.370.482.599
Góp vốn hợp tác kinh doanh	711.872.739	711.872.739
Các khoản phải thu khác	1.123.736.159	2.554.644.329
	256.139.756.309	125.096.288.005
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	22.707.652.141	22.782.852.141
	22.707.652.141	22.782.852.141
Cộng	278.847.408.450	147.879.140.146
<i>Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan</i>		
Lãi trái phiếu phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	4.666.666.667	7.566.666.667
Lãi phải thu CII từ hoạt động hợp tác đầu tư	4.413.806.906	3.564.424.372
Lãi phải thu CII E&C - BM	1.105.340.593	3.451.186.099
Lợi nhuận phải thu NQN	813.957.712	5.203.641.518
Cộng	10.999.771.878	19.785.918.656

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII
 Tầng 20, Tòa nhà Sun Wah, Số 115 Nguyễn Huệ,
 Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

MẪU SỐ B 09 - DN
 Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. NỢ XẤU

Nội dung	30/09/2019			01/01/2019		
	Nợ gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	Nợ gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.551.503.611	50.438.480	(2.501.065.131)	2.551.503.611	50.438.480	(2.501.065.131)
Trả trước cho nhà cung cấp	798.470.031	73.155.063	(725.314.968)	419.262.463	-	(419.262.463)
Cộng	3.349.973.642	123.593.543	(3.226.380.099)	2.970.766.074	50.438.480	(2.920.327.594)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	25.394.252.494	-	25.394.252.494	-
Chi phí thi công các công trình xây dựng dở dang	538.110.150.648	-	454.440.129.757	-
Cộng	563.504.403.142	-	479.834.382.251	-

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/09/2019 VND	01/01/2019 VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.554.167	79.339.680
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	62.843.333
Các khoản chi phí khác	1.000.000.000	33.000.000
	1.004.554.167	175.183.013
b. Dài hạn		
Chi phí làm đường công vụ thực hiện dự án	1.883.257.865	5.282.709.830
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	752.482.528	4.259.305.870
Chi phí khác chờ phân bổ	750.146.432	1.804.474.514
	3.385.886.825	11.346.490.214
Cộng	4.390.440.992	11.521.673.227

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2019	17.546.335.908	11.491.607.452	796.300.000	29.834.243.360
Mua lại từ tài sản đi thuê tài chính	4.292.034.000	-	-	4.292.034.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.727.606.429)	-	(2.727.606.429)
Tại ngày 30/09/2019	21.838.369.908	8.764.001.023	796.300.000	31.398.670.931
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2019	12.047.581.791	6.606.124.389	570.022.505	19.223.728.685
Khấu hao trong năm	1.210.933.639	728.710.323	40.432.498	1.980.076.460
Điều chuyển từ tài sản thuê tài chính	1.600.563.750	-	-	1.600.563.750
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.727.606.429)	-	(2.727.606.429)
Tại ngày 30/09/2019	14.859.079.180	4.607.228.283	610.455.003	20.076.762.466
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2019	5.498.754.117	4.885.483.063	226.277.495	10.610.514.675
Tại ngày 30/09/2019	6.979.290.728	4.156.772.740	185.844.997	11.321.908.465

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2019	25.421.636.347
Kết chuyển sang tài sản cố định	(4.268.170.000)
Tại ngày 30/09/2019	21.153.466.347
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2019	6.814.019.824
Khấu hao trong kỳ	1.983.137.469
Kết chuyển sang tài sản cố định	(1.600.563.750)
Tại ngày 30/09/2019	7.196.593.543
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2019	18.607.616.523
Tại ngày 30/09/2019	13.956.872.804

Tài sản thuê tài chính bao gồm các máy móc thiết bị đi thuê theo các hợp đồng thuê tài chính ký với Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam. (Chi tiết xem tại thuyết minh số 23).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm vi tính VND
NGUYỄN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2019	<u>280.000.000</u>
Tại ngày 30/09/2019	<u>280.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2019	155.431.974
Khấu hao trong kỳ	33.000.000
Tại ngày 30/09/2019	<u>188.431.974</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2019	124.568.026
Tại ngày 30/09/2019	<u>91.568.026</u>

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND
NGUYỄN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2019	<u>5.836.987.368</u>
Tại ngày 30/09/2019	<u>5.836.987.368</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2019	<u>839.830.635</u>
Tại ngày 30/09/2019	<u>839.830.635</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2019	4.997.156.733
Tại ngày 30/09/2019	<u>4.997.156.733</u>

Bất động sản đầu tư là giá trị đất và nhà văn phòng cho thuê tại địa chỉ số 29/3, đường D2, phường 2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Lô đất có thời hạn sử dụng là 50 năm, sẽ hết hạn sử dụng vào ngày 19 tháng 1 năm 2056 theo Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị quyền sử dụng đất đã được được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (*Chi tiết xem tại thuyết minh số 23*).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 09 năm 2019 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này. Tuy nhiên, dựa trên tình hình kinh doanh thực tế, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại vào ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/09/2019				01/01/2019			
	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
a. Đầu tư vào công ty con								
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia	-	-	-	-	7.800.000	55.200.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi		105.000.000.000	-	(i)		40.000.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C		10.000.000.000	(10.000.000.000)	(i)		10.000.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C		-	-	(i)		7.410.000.000	-	(i)
Cộng		115.000.000.000	(10.000.000.000)	(i)		112.610.000.000	-	(i)

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con tại ngày lập báo cáo tài chính do các công ty con này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời do các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con nêu trên.

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội (a)	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000
Trái phiếu CII_BOND2018-2 (b)	19.100.000.000	19.027.420.000	-	-
Cộng	139.100.000.000	139.027.420.000	120.000.000.000	120.000.000.000

(a) Vào ngày 19 tháng 5 năm 2017, Công ty đã mua trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội với tổng giá trị là 120.000.000.000 đồng bao gồm 120 trái phiếu, mệnh giá mỗi trái phiếu là 1 tỷ đồng, kỳ hạn trái phiếu là 5 năm (đáo hạn ngày 19 tháng 5 năm 2022) theo lãi suất thả nổi, 3 tháng điều chỉnh 1 lần bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng dành cho cá nhân được công bố bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam + biên độ 3,2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(b) Vào ngày 13 tháng 6 năm 2019, Công ty đã mua trái phiếu CII_BOND2018-2 của Công ty CII từ Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI với giá mua là 19.027.000.000 đồng bao gồm 191.000 trái phiếu, mệnh giá mỗi trái phiếu là 100.000 đồng, kỳ hạn trái phiếu là 2 năm (đáo hạn ngày 14 tháng 12 năm 2020) với lãi suất 10%/năm.

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2019		01/01/2019	
	Nợ gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Nợ gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các bên liên quan (i)	5.548.191.100	5.548.191.100	66.037.151.389	66.037.151.389
Phải trả các nhà cung cấp khác	102.320.203.085	102.320.203.085	70.444.761.660	70.444.761.660
<i>Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Phú Thành</i>	<i>17.083.814.884</i>	<i>17.083.814.884</i>	<i>54.811.986</i>	<i>54.811.986</i>
<i>Công ty TNHH Xây dựng Nền móng Tam Đạt</i>	<i>12.168.526.914</i>	<i>12.168.526.914</i>	-	-
<i>Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long</i>	<i>9.875.254.463</i>	<i>9.875.254.463</i>	-	-
<i>Công ty TNHH MTV Xây dựng Dịch vụ Vận tải Hà Thành</i>	<i>8.187.411.556</i>	<i>8.187.411.556</i>	-	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT</i>	<i>8.406.448.248</i>	<i>8.406.448.248</i>	<i>3.887.092.924</i>	<i>3.887.092.924</i>
<i>Công ty TNHH Xây dựng Fico Corea</i>	<i>7.169.773.827</i>	<i>7.169.773.827</i>	<i>7.476.393.771</i>	<i>7.476.393.771</i>
<i>Công ty Cổ phần ROADCO</i>	<i>7.363.207.022</i>	<i>7.363.207.022</i>	<i>12.454.141.450</i>	<i>12.454.141.450</i>
<i>Công ty Cổ phần Big Gate</i>	<i>4.766.794.727</i>	<i>4.766.794.727</i>	<i>16.840.294.727</i>	<i>16.840.294.727</i>
<i>Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Nam Mê Kong</i>	-	-	<i>4.426.699.265</i>	<i>4.426.699.265</i>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>27.298.971.444</i>	<i>27.298.971.444</i>	<i>25.305.327.537</i>	<i>25.305.327.537</i>
Cộng	107.868.394.185	107.868.394.185	136.481.913.049	136.481.913.049
<i>(i) Chi tiết phải trả cho các bên liên quan</i>				
<i>Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>
<i>Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII</i>	<i>548.191.100</i>	<i>548.191.100</i>	<i>273.845.000</i>	<i>273.845.000</i>
<i>Công ty CII E&C - BM</i>	-	-	<i>60.763.306.389</i>	<i>60.763.306.389</i>
Cộng	5.548.191.100	5.548.191.100	66.037.151.389	66.037.151.389

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	307.656.354.524	207.853.546.096
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội</i>	<i>151.981.347.533</i>	<i>176.570.440.128</i>
<i>Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận</i>	<i>89.202.866.700</i>	<i>17.574.825.800</i>
<i>Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm</i>	<i>63.335.870.320</i>	<i>6.722.086.502</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy</i>	<i>2.773.922.079</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận</i>	<i>362.347.892</i>	<i>362.347.892</i>
<i>Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu</i>	-	<i>6.623.845.774</i>
Các đối tượng khác	612.275.500	1.525.328.359
Cộng	308.268.630.024	209.378.874.455

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/09/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	-	1.412.345.149	848.554.547	563.790.602
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.619.663.631	9.409.218.110	10.619.663.631	9.409.218.110
Thuế thu nhập cá nhân	1.158.191.798	1.492.698.488	-	2.650.890.286
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	11.777.855.429	12.317.261.747	11.471.218.178	12.623.898.998

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	2.054.655.220	1.726.105.060
Chi phí khác	441.561.270	177.777.778
Cộng	2.496.216.490	1.903.882.838

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Các khoản thu hộ	21.655.747.258	15.949.429.208
Phải trả các đội giao khoán thi công các công trình xây dựng	3.840.211.781	11.402.489.688
Phải trả về lãi hỗ trợ kinh doanh và hợp tác đầu tư	1.041.179.166	1.244.782.308
Phải trả về mua cổ phần	410.000.000	410.000.000
Bảo hiểm xã hội	104.426.901	347.148.408
Kinh phí công đoàn	14.775.445	29.822.240
Bảo hiểm y tế	13.558.358	57.692.659
Bảo hiểm thất nghiệp	2.493.103	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	95.000	95.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	564.163.600	9.643.266.800
Cộng	27.646.650.612	39.084.726.311
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan</i>		
Phải trả về lãi hỗ trợ kinh doanh cho Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	971.734.722	203.608.333
Phải trả các khoản thu hộ cho CII E&C - BM	-	73.111.983
	971.734.722	276.720.316

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	30/09/2019		Phát sinh trong kỳ		01/01/2019	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	588.858.316.389	588.858.316.389	554.431.457.566	583.487.964.189	617.914.823.012	617.914.823.012
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Vĩnh Long	197.983.816.827	197.983.816.827	215.428.875.800	299.591.420.701	282.146.361.728	282.146.361.728
Ngân hàng HD Bank - Trung tâm kinh doanh Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	150.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	25.484.965.262	25.484.965.262	27.650.384.766	130.980.409.900	128.814.990.396	128.814.990.396
Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	15.000.000.000	15.000.000.000	22.000.000.000	12.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng Viettinbank - Chi nhánh 11, TP. Hồ Chí Minh	49.663.947.300	49.663.947.300	44.528.300.000	64.760.352.963	69.896.000.263	69.896.000.263
Các đối tượng khác	24.823.897.000	24.823.897.000	94.823.897.000	76.155.780.625	6.155.780.625	6.155.780.625
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	125.901.690.000	125.901.690.000	-	-	125.901.690.000	125.901.690.000
<i>(xem Thuyết minh b)</i>	4.398.569.172	4.398.569.172			4.484.904.576	4.484.904.576
	593.256.885.561	593.256.885.561	554.431.457.566	583.487.964.189	622.399.727.588	622.399.727.588

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	30/09/2019		Phát sinh trong kỳ		01/01/2019	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Vay dài hạn	253.436.576.000	253.436.576.000	-	-	253.436.576.000	253.436.576.000
Lê Thị Văn	36.068.592.000	36.068.592.000	-	-	36.068.592.000	36.068.592.000
Nguyễn Phạm Quỳnh Anh	28.480.000.000	28.480.000.000	-	-	28.480.000.000	28.480.000.000
Nguyễn Thị Bích Ngọc	28.312.160.000	28.312.160.000	-	-	28.312.160.000	28.312.160.000
Lưu Thị Hoài Phương	19.220.761.000	19.220.761.000	-	-	19.220.761.000	19.220.761.000
Nguyễn Hữu Phúc	18.840.815.000	18.840.815.000	-	-	18.840.815.000	18.840.815.000
Trang Ngọc	18.840.815.000	18.840.815.000	-	-	18.840.815.000	18.840.815.000
Lưu Thị Thanh	14.237.600.000	14.237.600.000	-	-	14.237.600.000	14.237.600.000
Nguyễn Vinh Quang	14.237.600.000	14.237.600.000	-	-	14.237.600.000	14.237.600.000
Lê Quang Trí	13.956.160.000	13.956.160.000	-	-	13.956.160.000	13.956.160.000
Trần Ngọc Dũng	12.627.000.000	12.627.000.000	-	-	12.627.000.000	12.627.000.000
Phạm Thị Liên	12.627.000.000	12.627.000.000	-	-	12.627.000.000	12.627.000.000
Phạm Thị Thúy Nga	11.000.000.000	11.000.000.000	-	-	11.000.000.000	11.000.000.000
Nguyễn Mạnh Cường & Bùi Thị Mận	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000
Lê Nhã Quang	7.988.073.000	7.988.073.000	-	-	7.988.073.000	7.988.073.000
Đỗ Hồng Quyên	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-	8.000.000.000	8.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	30/09/2019		Phát sinh trong kỳ		01/01/2019	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ thuê tài chính dài hạn	1.527.347.275	1.527.347.275	-	3.351.887.306	4.792.899.177	4.792.899.177
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc Tế Việt Nam Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	5.925.916.447 (4.398.569.172)	5.925.916.447 (4.398.569.172)	-	3.351.887.306	9.277.803.753 (4.484.904.576)	9.277.803.753 (4.484.904.576)
	254.963.923.275	254.963.923.275	-	3.351.887.306	258.229.475.177	258.229.475.177
Cộng	848.220.808.836	848.220.808.836	554.431.457.566	586.839.851.495	880.629.202.765	880.629.202.765
<i>Trong đó, số dư nợ vay bên liên quan</i>						
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương- Mỹ Thuận	25.484.965.262	25.484.965.262	27.650.384.766	130.980.409.900	128.814.990.396	128.814.990.396
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	15.000.000.000	15.000.000.000	22.000.000.000	12.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	40.484.965.262	40.484.965.262	49.650.384.766	142.980.409.900	133.814.990.396	133.814.990.396

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay và nợ thuê tài chính:

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo/ Ghi chú
NGẮN HẠN					
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Vĩnh Long	197.983.816.827	6 - 8 tháng	7,9% - 8,6%	Bổ sung vốn lưu động.	- Quyền sử dụng đất tại số 29/3, đường D2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh (Nay đổi tên là đường Nguyễn Gia Trí); - Hệ thống đúc hẫng; - Xe ô tô Toyota Camry 51F-827.78; - Xe ô tô Toyota Land Cruiser 51G-337.79; - Quyền đòi nợ các khoản phải thu đã thế chấp với ngân hàng; - Cổ phiếu công ty LGC do Công ty mẹ (CII) sở hữu; - Trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội phát hành ngày 19/05/2017 cho Công ty CII E&C trị giá 120 tỷ đồng.
Ngân hàng HD Bank - Trung tâm kinh doanh	150.000.000.000	12 tháng	10,0%	Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội thực hiện dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1.	15.000.000 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R) do Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII) sở hữu.
Ngân hàng Viettinbank - Chi nhánh 11, TP. Hồ Chí Minh	24.823.897.000	6 tháng	7,5%	Bổ sung vốn lưu động.	Quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ của các công trình xây dựng mà Công ty CII E&C đã sử dụng vốn vay để thi công.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo):

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo/ Ghi chú
Ngân hàng Vietcombank - CN TP. Hồ Chí Minh	49.663.947.300	10 tháng	7,8%	Bổ sung vốn lưu động.	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng, giá trị khoản tiền gửi 20 tỷ đồng.
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	25.484.965.262	12 tháng	10,5%	Bổ sung vốn cho dự án Xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận.	Vay tín chấp
DÀI HẠN					
Nợ thuê tài chính dài hạn	5.925.916.447	3 - 4 năm	8% - 8,5%	Thuê tài chính	Giá trị khoản đặt cọc cho khoản thuê tài chính là 2.427.290.000 VND. Sau khi kết thúc hợp đồng Công ty sẽ mua lại toàn bộ thiết bị với giá mua lại bằng 0,3% - 0,5% giá thuê ban đầu.
Vay cá nhân	253.436.576.000	24 tháng	8,5%	Bổ sung vốn lưu động	Vay tín chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2018	415.000.000.000	400.000.000	-	6.555.530.896	44.221.718.638	466.177.249.534
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	7.172.777.549	7.172.777.549
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(39.818.367.279)	-	-	(39.818.367.279)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.708.760.000)	(2.708.760.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	902.920.000	(902.920.000)	-
Tại ngày 01/01/2019	415.000.000.000	400.000.000	(39.818.367.279)	7.458.450.896	47.782.816.187	430.822.899.804
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	7.352.766.323	7.352.766.323
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(251.089.392)	(251.089.392)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	209.241.160	(209.241.160)	-
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(360.000.000)	(360.000.000)
Tại ngày 30/09/2019	415.000.000.000	400.000.000	(39.818.367.279)	7.667.692.056	54.315.251.958	437.564.576.735

Chi tiết vốn chủ sở hữu

Tên cổ đông	30/09/2019		01/01/2019	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
Công ty CII	61,71%	243.773.920.000	54,97%	217.151.120.000
Các cổ đông khác	38,29%	151.226.080.000	45,03%	177.848.880.000
Cộng	100%	395.000.000.000	100%	395.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Cổ phần

	30/09/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	41.500.000	41.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	(2.000.000)	(2.000.000)
+ Cổ phiếu phổ thông	(2.000.000)	(2.000.000)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.500.000	39.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	39.500.000	39.500.000
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
	đến 30/09/2019	đến 30/09/2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu từ hoạt động xây dựng	245.987.161.128	426.500.598.647
Doanh thu bán hàng	56.355.267.277	35.334.367.878
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	7.148.572.962	7.821.129.709
Doanh thu khác	49.314.394	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	309.540.315.761	469.656.096.234
Hàng bán trả lại	(27.305.124.815)	-
Doanh thu thuần	282.235.190.946	469.656.096.234

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (tiếp theo)

	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 VND
<i>Trong đó, doanh thu và các khoản giảm trừ phát sinh với các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu: <i>Khối lượng thi công dự án QL 60</i>	96.739.306.085	147.465.109.972
Công ty TNHH BOT Trung Lương Mỹ Thuận: <i>Khối lượng thi công dự án Trung Lương Mỹ Thuận</i>	72.138.517.273	58.824.976.364
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm: <i>Khối lượng thi công gói xây lắp 2 thuộc dự án Thủ Thiêm</i>	27.444.174.475	91.862.483.849
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội: <i>Khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội</i>	22.353.720.541	94.497.049.733
Công ty Đầu tư Hạ tầng VRG: <i>Khối lượng thi công xây lắp công trình DT 741 và duy tu hệ thống chiếu sáng DT 741</i>	20.249.204.742	7.468.968.330
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy: <i>Doanh thu thi công các công trình dân dụng</i>	2.023.707.201	-
Công ty NQN: <i>Doanh thu cho thuê thiết bị</i>	1.076.509.090	1.199.418.182
Công ty CII E&C - BM: <i>Doanh thu cho thuê thiết bị</i>	667.363.636	2.002.090.906
Công ty CII E&C - CC: <i>Doanh thu cho thuê thiết bị và bán vật tư</i>	639.409.092	12.162.647.974
Công ty LGC: <i>Doanh thu cho thuê thiết bị</i>	-	36.272.727
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận: <i>Khối lượng thi công công trình mở rộng tuyến tránh Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận - giai đoạn 2 và Khối lượng thi công công trình Trạm thu phí Cà ná</i>	(683.458.382)	(8.229.800.195)
Cộng	242.648.453.753	407.289.217.842

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 VND
Giá vốn hoạt động xây dựng	237.261.963.589	393.655.273.349
Giá vốn hàng đã bán	29.026.055.791	35.334.367.878
Giá vốn của dịch vụ	2.477.449.969	4.087.981.215
	44.901.753	-
Cộng	268.810.371.102	433.077.622.442

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	44.741.364.782	35.790.001.632
Lãi khi thực hiện thanh lý công ty con	27.892.710.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.782.320.431	10.687.992.204
Cộng	84.416.395.213	46.477.993.836

Trong đó, doanh thu phát sinh với các bên liên quan

Cổ tức và lợi nhuận được chia		
<i>Công ty LGC</i>	9.360.000.000	10.920.000.000
<i>Công ty CII E&C - CC</i>	1.608.362.719	(232.007.796)
<i>Công ty NQN</i>	813.957.712	-
Lãi cho vay và lãi trái phiếu		
<i>Công ty CII</i>	18.923.253.325	15.853.283.519
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội</i>	9.100.000.000	9.100.000.000
<i>Công ty CII E&C - BM</i>	2.440.515.593	1.418.765.834
<i>Công ty NQN</i>	361.403.283	1.092.241.033
Cộng	42.607.492.632	38.152.282.590

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 VND
Chi phí lãi vay	56.644.454.571	45.334.192.913
Dự phòng khoản đầu tư dài hạn	10.000.000.000	-
Lãi phải trả nợ thuê tài chính	567.013.100	1.048.260.607
Chi phí tài chính khác	2.004.660.000	1.740.922
Cộng	69.216.127.671	46.384.194.442

Trong đó, chi phí phát sinh với các bên liên quan

Lãi vay phát sinh với Công ty Cổ phần BOT		
<i>Trung Lương Mỹ Thuận</i>	2.650.384.766	4.035.808.070
Lãi vay phát sinh với CII	717.216.184	8.224.754.963
Lãi vay phát sinh với Công ty TNHH BOT		
<i>Cầu Rạch Miễu</i>	927.483.334	130.844.444
Cộng	4.295.084.284	12.391.407.477

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.759.584.728	9.285.204.345
Chi phí đồ dùng văn phòng	497.018.757	54.171.656
Chi phí khấu hao	723.384.585	969.077.629
Chi phí công tác, tiếp khách	105.005.272	930.921.369
Chi phí dự phòng	306.052.505	(212.143.016)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.205.429.651	2.031.886.679
Chi phí bằng tiền khác	607.907.968	1.275.446.129
Cộng	9.204.383.466	14.334.564.791
Trong đó, chi phí phát sinh với các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	35.500.000	-

30. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	909.090.955	31.738.215
Thu nhập khác	121.931.670	130.164.000
Cộng	1.031.022.625	161.902.215

31. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 VND
Các khoản truy thu và phạt hành chính	457.596.270	77.000.000
Chi phí khác từ thanh lý tài sản cố định	-	347.973.904
Các khoản chi phí khác	3.232.145.842	138.629.546
Cộng	3.689.742.112	563.603.450

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	16.761.984.433	21.936.007.160
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chi phí không được trừ	42.066.426.545	14.922.470.508
Cô tức, lợi nhuận được chia	(11.782.320.431)	(10.920.000.000)
Thu nhập chịu thuế	47.046.090.547	25.938.477.668
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9.409.218.110	5.187.695.533
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	9.409.218.110	5.187.695.533

33. NGHIỆP VỤ VÀ GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết bên liên quan

Tên	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII")	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi ("NQN")	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C ("CII E&C - BM")	Công ty con
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C ("CII E&C - CC")	Công ty con (đã thanh lý trong quý 3/2019)
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia ("LGC")	Công ty con (đã thanh lý trong quý 3/2019)
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII ("CII B&R")	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn ("SII")	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Xa Lộ Hà Nội	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Hạ Tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng VRG	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Dịch Vụ MCSC	Công ty trong cùng tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Ngoài các số dư và giao dịch đã trình bày ở các thuyết minh trên, trong kỳ, Công ty còn phát sinh các giao dịch với các bên liên quan, chi tiết như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 VND
<u>Giao dịch với công ty mẹ</u>		
Công ty CII		
Nhận vốn hợp tác đầu tư thi công dự án	329.900.000.000	1.381.491.506.849
Hoàn trả vốn hợp tác đầu tư thi công dự án	302.872.947.317	893.237.868.587
Hỗ trợ vốn hợp tác đầu tư	320.749.994.306	627.140.815.000
Nhận hoàn trả vốn hợp tác đầu tư	333.854.954.489	100.170.543.782
Chi phí sử dụng vốn đã trả trong kỳ	577.058.377	2.747.131.413
Lãi theo hợp đồng hợp tác đầu tư nhận được trong kỳ	14.945.045.511	20.829.456.218
Cân trừ công nợ hợp tác đầu tư - gốc	24.027.052.683	488.253.638.262
Cân trừ công nợ hợp tác đầu tư - lãi	3.128.825.280	2.661.504.438
Cổ tức đã trả cho công ty mẹ trong kỳ	-	21.165.112.000
<u>Giao dịch với các công ty con</u>		
Công ty NQN		
Góp vốn trong kỳ	65.000.000.000	-
Chi phí thi công dự án Sơn Tịnh	2.003.470.129	-
Tạm ứng và thanh toán chi phí thi công công trình	4.000.000.000	-
Thu hồi tiền cho vay	28.912.262.655	-
Thu tiền từ lợi nhuận được chia	3.731.955.204	-
Thu tiền lãi cho vay	1.833.089.597	-
Thu nhập từ bán tài sản	-	350.000.000
Thu tiền thi công bốc tăng phù và cho thuê thiết bị	1.022.500.000	60.000.000
Chuyển công nợ phải thu sang cho vay	-	28.912.262.655

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 VND
Công ty CII E&C - BM		
Tiền mua vật tư đã tạm ứng và thanh toán trong kỳ	142.977.724.717	234.120.480.315
Nhận lại tiền tạm ứng mua vật tư	104.850.000.000	127.450.000.000
Chuyển công nợ phải thu về cho vay sang ứng tiền cho các Ban điều hành dự án	63.325.189.773	-
Chuyển công nợ phải thu tiền lợi nhuận và lãi cho vay sang ứng tiền cho các Ban điều hành dự án	4.786.361.099	-
Chuyển công nợ phải thu khách hàng sang ứng tiền cho các Ban điều hành dự án	1.395.088.017	-
Nhập kho vật tư trong kỳ	1.854.146.409	133.470.442.329
Vật tư trả lại trong kỳ	-	909.664.090
Chuyển công nợ phải trả người bán cho CII E&C - BM sang phải trả các đối tượng khác	36.947.258.170	-
Chuyển công nợ ứng trước tiền mua vật tư cho CII E&C - BM sang phải thu khách hàng của các đối tượng khác	8.378.399.572	-
Chuyển công nợ từ ứng trước tiền mua vật tư sang khoản phải thu về cho vay	-	106.814.000.000
Thu tiền cho thuê thiết bị	-	489.400.000
Công nợ phải trả các đối tượng khác chuyển sang cho CII E&C - BM	-	27.584.467.580
Lợi nhuận được chia đã nhận trong kỳ	-	526.066.695
Thu nhập từ bán tài sản	-	863.636.363
Công ty CII E&C - CC		
Tạm ứng chi phí thi công công trình CII E&C - CC hoàn trả lại vốn thi công	48.534.352.740	129.100.000.000
Chi phí thi công dự án Thủ Thiêm	4.000.000.000	47.000.000.000
	27.630.461.396	48.537.913.696
Thu tiền thuê thiết bị và bán vật tư trong kỳ	24.323.897.000	6.000.000.000
Chuyển công nợ CII E&C - CC sang phải trả cho Công ty LGC	14.206.658.556	-
Công nợ ứng trước cho đối tượng khác chuyển sang cho CII E&C - CC	-	4.364.168.044
Nhận lại công nợ tạm ứng công trình thủ thiêm BTT đã tạm ứng cho CII E&C - CC	72.841.920.000	-
Cần trừ công nợ phải thu khách hàng và phải trả người bán	23.620.546.999	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 VND
Công ty LGC		
Nhập kho vật tư và chi phí di dời trạm thu phí	137.814.000	534.052.000
Chuyển công nợ CII E&C - CC và CII E&C - BM sang phải trả cho Công ty LGC	14.904.824.856	-
Cần trừ công nợ phải thu khách hàng và phải trả người bán	39.900.000	-
Cần trừ công nợ phải thu về cổ tức được chia với phải trả người bán	280.000.000	-
Thanh toán tiền mua vật tư và các khoản công nợ khác phát sinh trong kỳ	18.104.592.287	2.105.976.860
Cổ tức đã nhận được trong kỳ	-	28.000.000.000
<u>Giao dịch với các bên liên quan khác</u>		
Công ty CII B&R		
Nhận lại tiền đã tạm ứng	35.550.000	-
Công ty SII		
Thu tiền khối lượng thi công dự án Cù Chi		
Thanh toán tiền khắc phục sự cố		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		
Hỗ trợ vốn hợp tác đầu tư	200.000.000.000	
Nhận hoàn trả vốn hợp tác đầu tư	200.000.000.000	
Thu lãi trái phiếu trong năm	12.000.000.000	12.166.666.667
Thu tiền khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa Lộ Hà Nội	-	55.503.710.455
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận		
Thu tiền khối lượng thi công các công trình	27.800.143.253	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Thu tiền thi công dự án Thủ Thiêm	13.910.455.740	84.620.193.018
Chuyển trả tiền dư	-	2.674.063.052
Công ty Đầu tư Hạ tầng VRG		
Thu tiền thi công dự án DT741	20.405.124.319	8.101.701.606
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		
Thu tiền thi công dự án Quốc lộ 60	84.806.996.794	125.132.821.388
Nhận hộ tiền thi công dự án Quốc lộ 60 từ các bên liên doanh	32.849.355.128	54.188.889.490
Khoản phải thu phát sinh tương ứng doanh thu các bên liên doanh đã xuất hóa đơn cho chủ đầu tư	46.248.320.220	41.559.144.359
Tiền đi vay nhận được trong kỳ	22.000.000.000	12.000.000.000
Chuyển trả lại tiền vay	12.000.000.000	7.000.000.000
Lãi vay đã thanh toán trong kỳ	159.356.945	45.047.222

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 VND
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận		
Tiền đi vay nhận được trong kỳ	25.000.000.000	149.000.000.000
Chuyển trả lại tiền vay	-	1.337.883.000
Lãi đi vay nhập vào nợ gốc vay	2.650.384.766	-
Cần trừ thu tiền thi công vào nợ gốc vay	130.980.409.900	27.282.299.800
Tiền thi công dự án nhận được trong kỳ	20.000.000.000	56.337.883.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng		
Chi phí thi công sơn đường, vệ sinh mặt đường	249.405.545	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy		
Tiền thi công dự án nhận được trong kỳ	8.500.000.000	-
Cần trừ tiền nhận ứng trước thi công dự án sang tiền ứng trước cho thầu phụ	3.500.000.000	-
Công ty TNHH Dịch Vụ MCSC		
Chi phí vệ sinh mặt đường	13.636.364	-
Thanh toán chi phí vệ sinh mặt đường	15.000.000	-

Nguyễn Thị Bích Thảo
Người lập biểu
Ngày 26 tháng 10 năm 2019

Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng



Phùng Văn Hiền
Tổng Giám đốc